TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1407/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Xuân Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 438/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4399/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Tuyết S**, sinh năm: 1973 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Phan W M**, sinh năm: 1955 (vắng mặt).
Địa chỉ: Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05.9.2016 và trong quá trình tố tụng, bà Hồ Thị Tuyết S - nguyên đơn trình bày:

Năm 2014, Bà và ông Phan W M tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sổ đăng ký kết hôn số 1841, quyển số 09 ngày 19.7.2014).

Sau khi kết hôn, ông Phan W M quay về Úc làm việc nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Phan W M vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết S vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Phan W M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Hồ Thị Tuyết S và ông Phan W M là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Úc nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 08.9.2017 Tòa án đã gửi Văn bản Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Phan W M theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 15.12.2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về việc gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Úc thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp cho ông Phan W M; tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt nên phiên tòa phải hoãn. Đến ngày mở lại phiên tòa lần 2 và lần 3, Tòa án không nhận được ý kiến trả lời đồng thời ông Phan W M không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 30.5.2018, nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng

mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1841, quyển số 09 ngày 19.7.2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Tuyết S và ông Phan W M là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết S thì ông Phan W M sinh sống, làm việc ở Úc còn bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, có nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Phan W M biết yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Tuyết S và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Phan W M hông còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Sương, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hồ Thị Tuyết S và ông Phan W M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà S có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết S chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Tuyết S được ly hôn với ông Phan W M.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Tuyết S chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2016/0031280 ngày 04.10.2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp: Số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp do bà Hồ Thị Tuyết S đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai số AA/2016/0033892 ngày 28.6.2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được quyết định khi có thông báo của cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Hồ Thị Tuyết S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Phan W M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan